

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày 31/03/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Định Tình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sỹ Nghĩa

2. Ông Trần Vĩnh Trung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông tH vụ án dân sự thụ lý số: 132/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 01/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- DS ngày 16/3/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn MT, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th .

Địa chỉ: Thôn 18A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

- Bà Phạm Thị V

Địa chỉ: Thôn MT, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Ng .

Địa chỉ: Thôn MT, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên cuối năm 2015 bà Phạm Thị V có đến nhà bà tại Thôn MT, xã E, huyện B để mượn số tiền 40.000.000 đồng về để chi tiêu gia đình dịp cuối năm. Tuy nhiên bà không đồng ý cho mượn, đến ngày 18/12/2015 âm lịch tức ngày 27/01/2016, bà Phạm Thị V cùng ông Nguyễn Văn Th cha chồng

đến nhà bà để hỏi vay số tiền 40.000.000 đồng. Do quen biết với ông Th và bà V nên bà đã đồng ý cho vay số tiền trên. Để làm tin ông Th và bà V có để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0482872 đứng tên hộ Nguyễn Văn Th để đảm bảo. Thời hạn vay 04 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Tuy nhiên, quá hạn ông Th và bà V không trả số nợ trên và liên tục khát nợ. Sau đó đến ngày 24/6/2019 bà Phạm Thị V và chồng là ông Nguyễn Văn Ng có mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Th nói trên, mục đích để đính chính lại, thời gian mượn lại là 01 ngày. Việc này ông Ng, bà V có viết 01 giấy mượn bìa đỏ và ký xác nhận. Tuy nhiên sau đó ông Nghiên, bà V cũng không đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà, bà Vần, ông Th có trả được cho bà H số tiền lãi tính đến ngày 24/6/2019, về tiền gốc chưa trả được khoản tiền nào. Đến cuối năm 2019 bà đã khởi kiện ông Th và bà V ra Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, ông Th và bà V đã cam kết trả nợ nên bà đã rút lại yêu cầu khởi kiện.

Tuy nhiên ông Th và bà V không trả, tính đến nay, bà Phạm Thị Vần, ông Nguyễn Văn Th còn nợ bà số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày 25/6/2019 đến ngày xét xử tính tròn là 21 tháng với lãi suất là 1% thành tiền là 8.400.000 đồng.

Bà Phan Thị H yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn Th trả tổng số tiền 48.400.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ng: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số:132/TB-TLVA, ngày 07/12/2020. Nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số:01/TB-TA, ngày 25/12/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số:02/TB-TA, ngày 25/01/2021. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ng đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ng cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147, Điều 162 Điều 186; Điều 187 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 465, Điều 466, và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị Hường.

Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 40.000.000 đồng; tiền lãi suất 40.000.000 đồng x 1% x 21tháng = 8.400.000 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi là: 40.000.000 đồng + 8.400.000 đồng = 48.400.000 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V có xác lập 01 giấy vay tiền của bà Phan Thị H số tiền vay là 40.000.000 đồng vào ngày 18/12/2015 (âm lịch) tức vào ngày 27/01/2016 dương lịch, thời hạn trả nợ sau 04 tháng kể từ ngày vay tiền tức ngày 27/05/2016, lãi suất hai bên tự thỏa thuận 3%, mục đích vay tiền của bà Phan Thị H về để chi tiêu trong gia đình.

Ngày 10/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã thụ lý vụ án số 86/TB-TLVA về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Phan Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ng. Quá trình làm việc tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn Th thừa nhận ông và con dâu là Phạm Thị V có vay của bà Phan Thị H số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2016. Tại bản tự khai ngày 18/10/2019 bà Phạm Thị V cũng tự khai nhận cùng bố chồng là ông Nguyễn Văn Th có vay của bà Phan Thị H số tiền 40.000.000 đồng và có cam kết trả nợ 20.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 27/11/2019 và số tiền còn lại 20.000.000 đồng trả vào 27/12/2019. Các bên tự thỏa thuận việc trả nợ do vậy bà Phan Thị H đã làm đơn tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án. Do tiếp tục vi phạm cam kết trả nợ nêu trên nên bà Phan Thị H khởi kiện lại vụ án.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Giao dịch vay tiền ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thị V cùng với bà Phan Thị H xác lập các giao dịch vay tiền là có thật, theo như nguyên đơn trình bày là có cơ sở, phù hợp quy định tại các Điều 463 và 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mục đích vay tiền của ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thị V về để chi tiêu trong gia đình. Tuy nhiên, việc

vay mượn tiền chỉ ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V đứng ra ký nhận, việc giao dịch vay tiền nêu trên mặc dù ông Nguyễn Văn Ng không ký nhận vào việc vay tiền, nhưng ông Nguyễn Văn Ng biết về việc cha đẻ của mình là ông Nguyễn Văn Th vợ mình là Phạm Thị V có vay của bà Phan Thị H số tiền 40.000.000 đồng và đến ngày 24/6/2019 ông Nguyễn Văn Ng cùng bà Phạm Thị V có đến nhà bà Phan Thị H viết giấy mượn lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên cha mình để đi đính chính lại giấy tờ. Do vậy cần xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Văn Ng đối với khoản vay trên. Nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Phan Thị H không yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp.

-Về lãi suất: Khi thực hiện giao dịch hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, các bên đã trả lãi đến hết ngày 24/6/2019. Xét yêu cầu tính lãi suất của bà Phan Thị H là 1%/ tháng trên số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (từ ngày 25/6/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 31/03/2021 là 21 tháng 06 ngày bà H tính tròn 21 tháng) là phù hợp cần chấp nhận, cụ thể: $40.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 8.400.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, ông Nguyễn Văn Th , bà Phạm Thị V phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc và tiền lãi là $40.000.000 \text{ đồng} + 8.400.000 \text{ đồng} = 48.400.000 \text{ đồng}$ (bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Th , bà Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $48.400.000 \times 5\% = 2.420.000 \text{ đồng}$ (hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị Hường.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V phải trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc và lãi suất là 48.400.000 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị V phải chịu 2.420.000 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 1.170.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010755 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Huỳnh Định Tình